

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 341/2023/DS-PT  
Ngày: 23 - 03 - 2023  
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Ánh

*Các Thẩm phán:*

1. Bà Phan Thị Tú Oanh

2. Bà Nguyễn Thị Thu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Vào ngày 23/03/2023, tại Phòng xử án dân sự Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 608/2022/TLPT-DS ngày 23/12/2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2022/DS-ST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố H bị ông Bùi Chí H1 (bị đơn) kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 279/2023/QĐ-PT ngày 27/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1692/2023/QĐ-PT ngày 22/02/2023, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:*

1/ Ông **Huỳnh Công L**, sinh năm 1950; Địa chỉ: Số 262, đường G, phường T, quận T, Thành phố H.

2/ Bà **Phạm Thị Mỹ Th**, sinh năm 1955; Địa chỉ: Số 40/48, đường T, phường H, quận T, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1975; Địa chỉ liên lạc: Nhà số 27, Đường S, khu H, Số 118, Đường B, Phường M2, Quận M0, Thành phố H (Giấy ủy quyền lập ngày 17/11/2021 tại Văn phòng Công chứng N, Thành phố H, Số 03569, Quyền số 02/2021) (có mặt).

*Bị đơn:* Ông **Bùi Chí H1**, sinh năm 1978; Thường trú: Số 18/45/10-12, đường V, Phường B, Quận B, Thành phố H; Địa chỉ liên lạc: Số 72/5, đường T1, phường V, Quận B, Thành phố H (có mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Công ty TNHH Đầu tư M.

Trụ sở: Phòng 903, Lầu 9, Tòa nhà R, số 235, đường N, phường N, Quận M, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lin Chung N (có đơn xin vắng mặt).

2/ Ông Huỳnh Văn Ph, sinh năm 1946 (có đơn xin vắng mặt);

3/ Bà Huỳnh Thị Kim B, sinh năm 1984, (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 158/12, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh V.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Tại đơn khởi kiện ngày 06/5/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Ngày 13/7/2010, vợ chồng ông Huỳnh Công L và bà Phạm Thị Mỹ Th ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 40/48 đường T, phường H, quận T, Thành phố H cho Công ty TNHH Đầu tư M (gọi tắt Công ty M). Các bên thống nhất giá chuyển nhượng nhà đất là 32.900.000.000 đồng.

Ngày 11/8/2010, hai bên ký công chứng hợp đồng mua bán tại Phòng Công chứng H Thành phố H, Công ty M do ông Bùi Chí H1 (Giám đốc) làm đại diện là bên nhận chuyển nhượng. Tuy nhiên, giá chuyển nhượng ghi trong hợp đồng công chứng số tiền 34.500.000.000 đồng, mức giá này là do ông H1 đề xuất chênh lệch số tiền 1.600.000.000 đồng. Ông H1 giải thích việc chênh lệch này là vấn đề nội bộ của công ty. Sau đó, Công ty M đã thanh toán đủ số tiền 34.500.000.000 đồng.

Trong 03 lần Công ty M chuyển tiền mua bán nhà đất cho ông L, bà Th, ông H1 có đề xuất với ông L, bà Th là cho ông H1 vay lại số tiền như sau:

- Ngày 13/7/2010, Công ty M đặt cọc số tiền 1.500.000.000 đồng tại bảng theo dõi thực hiện tài chính đất T (40/48) 2.350m<sup>2</sup> thì ông H1 xác nhận cho ông L, bà Th ghi nhận sự việc nhưng ông H1 không vay khoản tiền này và cũng được thể hiện tại phiếu chi ngày 13/7/2010 Công ty M chi cho ông L, bà Th.

- Ngày 11/8/2010, Công ty M chuyển số tiền 16.500.000.000 đồng cho ông L, bà Th theo phiếu chi ngày 11/8/2010, tại bảng theo dõi thực hiện tài chính đất T 40/48 2.350m<sup>2</sup>, ông H1 xác nhận nhận lại số tiền 11.500.000.000 đồng để thực hiện hợp đồng như sau: ông L đưa tiền mặt cho ông Huỳnh Văn Ph số tiền mặt 2.000.000.000 đồng, không có biên bản giao nhận tiền. Ngày 11/8/2010, ông L, bà Th chuyển số tiền 9.500.000.000 đồng vào tài khoản chung của ông L và ông Ph. Sau đó, ông L và ông Ph chuyển vào tài khoản cá nhân của ông Bùi Chí H1 số tiền này. Tổng số tiền ông L, bà Th nhận được từ bán đất cho Công ty M số tiền là 18.000.000.000 đồng. Sau khi cho ông H1 mượn số tiền

11.500.000.000 đồng, số tiền còn lại ông L và bà Th thực tế nhận 6.500.000.000 đồng thể hiện tại bảng theo dõi thực hiện tài chính đất mà ông H1 xác nhận.

- Ngày 15/9/2010, Công ty M chuyển cho ông L, bà Th số tiền 16.500.000.000 đồng theo phiếu chi ngày 15/9/2010. Đồng thời, ngày 15/9/2010 ông L, bà Th chuyển số tiền 4.500.000.000 đồng vào tài khoản chung của ông L và ông Ph. Sau đó, ông L, ông Ph chuyển số tiền 4.500.000.000 đồng này vào tài khoản cá nhân ông H1. Ngày 16/9/2010, ông H1 xác nhận có nhận số tiền 4.500.000.000 đồng thể hiện tại bảng theo dõi thực hiện tài chính đất. Tổng số tiền mà ông H1 vay của ông L, bà Th là 16.000.000.000 đồng.

Ngày 20/11/2010, ông H1 có trả cho ông L, bà Th số tiền 1.000.000.000 đồng. Ngày 11/5/2011 ông H1 trả cho ông L, bà Th số tiền 2.000.000.000 đồng. Tổng số tiền ông H1 thanh toán thể hiện tại bảng theo dõi thực hiện tài chính đất mà ông H1 xác nhận cho ông L, bà Th.

Trong thời gian thực hiện việc trả tiền vay, thì giữa ông H1, ông L có biên bản thỏa thuận về việc thanh toán phần còn lại số tiền như sau:

Đợt 1: Thanh toán số tiền 2.000.000.000 đồng, chậm nhất thanh toán 10/5/2011.

Đợt 02: Số tiền thanh toán còn lại sau khi trừ 1.400.000.000 đồng, chậm nhất thanh toán 10/6/2011.

Thực tế, sau ngày 10/6/2011 cho đến nay ông H1 không thanh toán cho ông L, bà Th. Sau khi căn trừ số tiền 1.400.000.000 đồng và số tiền 1.600.000.000 đồng chênh lệch giá bán đất cho ông H1, thì ông H1 trả cho ông L, bà Th số tiền 3.000.000.000 đồng. Tổng số tiền ông H1 trả cho ông L, bà Th số tiền 6.000.000.000 đồng và còn nợ số tiền 10.000.000.000 đồng chưa thanh toán cho đến nay. Do ông H1 không thực hiện trả khoản nợ vay nên ông L và bà Th yêu cầu buộc ông Bùi Chí H1 trả số nợ gốc 10.000.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 06/5/2021 tạm tính đến ngày 08/7/2022 mức lãi suất 10%/năm số tiền là 1.162.000.000 đồng trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đây là khoản vay cá nhân của ông H1 với ông L, bà Th nên ông L, bà Th không yêu cầu ông H1 là chị Huỳnh Thị Kim B cùng có trách nhiệm trả khoản vay nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tiền lãi, chỉ yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 10.000.000.000 đồng của bảng theo dõi thực hiện tài chính đất T (40/48) 2.350m<sup>2</sup>, ngày khi án có hiệu lực pháp luật.

**2. Bị đơn ông Bùi Chí H1 không đến tòa và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nộp cho Tòa án.**

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Công ty TNHH Đầu tư M (gọi tắt Công ty M) trình bày tại bản tự khai ngày 09/5/2022 như sau:

Ngày 11/8/2010, tại Phòng Công chứng H Thành phố H, Công ty M đã ký hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Huỳnh Công L và bà Phạm Thị Mỹ Th để nhận chuyển nhượng nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại 40/48 đường T, phường H, quận T, Thành phố H, ông Bùi Chí H1 tại thời điểm này là giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty M, hợp đồng có nội dung sau: Giá mua bán, chuyển nhượng 34.500.000.000 đồng. Phương thức thanh toán tiền mặt và chuyển khoản: Ngày 13/7/2010 đặt cọc số tiền 1.500.000.000 đồng, ngày 11/8/2010 thanh toán số tiền 16.500.000.000 đồng, ngày 15/9/2010 thanh toán số tiền 16.500.000.000 đồng. Công ty M đã thanh toán đầy đủ số tiền chuyển nhượng theo quy định tại hợp đồng cho ông L, bà Th. Đồng thời ông L, bà Th đã thực hiện nghĩa vụ sang tên nhà, đất cho Công ty M. Công ty M và các nhân sự của mình hoàn toàn không nắm được bất kỳ thông tin nào liên quan đến các giao dịch do ông H1 thực hiện dưới tư cách cá nhân với ông L và bà Th. Công ty M không tham gia và không có quyền lợi, nghĩa vụ nào liên quan trong giao dịch giữa nguyên đơn ông L, bà Th và bị đơn ông H1. Đề nghị vắng mặt và không tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố H và Tòa án nhân dân các cấp.

### *3.2. Ông Huỳnh Văn Ph trình bày như sau:*

Ông Bùi Chí H1 là con rể của ông, lấy con gái ông là Huỳnh Thị Kim B và đã ly hôn vào năm 2018. Ông và ông Huỳnh Công L có biết nhau qua con rể H1, thông qua tại Ngân hàng để mở tài khoản thì mới gặp ông L do H1 giới thiệu. Ngày 12/7/2010 ông được H1 mở tài khoản chung với ông Huỳnh Công L tại Ngân hàng C – Chi nhánh B – Phòng giao dịch V. Do H1 yêu cầu ông mở tài khoản chung với ông L nên đồng ý với ông L mở tài khoản tại Ngân hàng nêu trên. Ngân hàng đã cấp cho ông và ông L chung số tài khoản 101010002516630.

Ngày 11/8/2010, số tài khoản của ông và ông L có nhận được số tiền 9.500.000.000 đồng, sau đó cùng ngày 12/8/2010 ông và ông L chuyển số tiền này qua tài khoản của Bùi Chí H1 số tài khoản 10101001523963 mở tại Ngân hàng C – Chi nhánh B còn nội dung chuyển tiền thì giữa ông H1 và ông L biết. Ông không biết mục đích giao dịch giữa ông H1 và ông L. Do H1 yêu cầu ông làm theo.

Ngày 15/9/2010, số tài khoản của ông và ông L có số tiền 4.500.000.000 đồng, thì ngày 16/9/2010 ông và ông L chuyển qua số tài khoản cho ông H1, nội dung chuyển tiền thì giống như số tiền 9.500.000.000 đồng. Tổng số tiền 14.000.000.000 đồng trong tài khoản chung của ông và ông L nhận 02 lần từ tài khoản của ông L và bà Phạm Thị Mỹ Th chuyển vào cho ông và ông L. Bà Th và ông L chuyển số tiền 14.000.000.000 đồng vào tài khoản của ông và ông L thì H1 và ông L cũng không nói lý do tại sao chuyển vào và chuyển đi cho H1. Số tiền 14.000.000.000 đồng có trong tài khoản chung của ông và ông L là từ tài khoản của ông L, bà Th chuyển vào, thực tế số tiền này không phải của ông. Số tiền 14.000.000.000 đồng này tài khoản mở chung thì của người đó, chứ ông không có tiền. Thực tế tiền này của ông L chuyển qua. Qua yêu cầu khởi kiện của ông L, bà Th thì ông không có yêu cầu độc lập về số tiền 14.000.000.000 đồng mà trước đây cùng ông L chuyển cho H1. Việc vay tiền hay thỏa thuận nào thì giữa ông L, bà Th và H1 biết. Ngày 11/8/2010 ông không có nhận số tiền mặt 2.000.000.000 đồng từ ông L, bà Th. Ông và ông L, bà Th cũng không làm văn

bản xác nhận việc này. Ông đề nghị vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng tại tòa và vắng mặt tại các phiên tòa tại Tòa án nhân dân các cấp.

### **3.3. Bà Huỳnh Thị Kim B trình bày như sau:**

Bà và ông Bùi Chí H1 kết hôn năm 2003, hiện tại đã ly hôn và giấy chứng nhận kết hôn hiện nay bà không còn giữ. Khi chung sống với ông H1 thì không biết việc ông Huỳnh Công L và bà Phạm Thị Mỹ Th cho ông H1 vay số tiền 16.000.000.000 đồng. Ông Huỳnh Văn Ph là cha của bà, việc ông Ph đăng ký mở tài chung với ông L tại ngân hàng C – Chi nhánh Quận B – Phòng giao dịch V thì bà biết việc này ngay khi làm việc với Tòa án. Không biết việc ông Ph và ông L chuyển tiền vào tài khoản ông H1 02 lần số tiền 16.000.000.000 đồng vào ngày 12/8/2010, ngày 16/9/2010, ông H1 không nói và cũng không mang tiền về đề chi tiêu mục đích gia đình. Do không biết việc này nên không có ý kiến về việc ông L, bà Th khởi kiện ông H1 vay còn thiếu lại 10.000.000.000 đồng. Đề nghị không tham gia và vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng tại tòa và vắng mặt tại các phiên tòa tại Tòa án nhân dân các cấp.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2022/DS-ST ngày 07/9/2022, Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố H đã tuyên xử:**

1. Đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Huỳnh Công L, bà Phạm Thị Mỹ Th buộc ông Bùi Chí H1 trả lãi do chậm thanh toán số tiền 1.162.000.000 đồng, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Công L, bà Phạm Thị Mỹ Th.

Buộc ông Bùi Chí H1 trả cho ông Huỳnh Công L, bà Phạm Thị Mỹ Th số tiền 10.000.000.000 (mười tỷ) đồng tại bảng theo dõi thực hiện tài chính đất T (40/48) 2.350m<sup>2</sup> do ông Bùi Chí H1 xác nhận cho ông Huỳnh Công L. Việc trả tiền được thực hiện một lần, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

### **3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bị đơn ông Bùi Chí H1 phải chịu án phí số tiền 118.000.000 đồng và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự và việc thi hành án.

- Ngày 26/9/2022, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của ông Bùi Chí H1 (bị đơn), ông H1 cho rằng bản án sơ thẩm không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, nên ông yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

\* Ông Bùi Chí HI trình bày: Ông không còn ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu L1, ông sẽ tự mình tham gia tố tụng trong vụ án này.

Công ty TNHH Đầu tư M (trước đây do ông làm người đại diện theo pháp luật) nhận chuyển nhượng khu đất số 40/48 đường T, phường H, quận T, Thành phố H của ông Huỳnh Công L, bà Phạm Thị Mỹ Th (nguyên đơn) với giá 34.500.000.000 đồng. Công ty M mua khu đất này để xây dựng chung cư, nhưng đường vào hẹp do phía trước có vựa ve chai, nguyên đơn hứa sẽ giải tỏa vựa ve chai này nhưng không thực hiện được. Để tiến hành thủ tục chuyển nhượng sẽ vướng rất nhiều các thủ tục pháp lý cần phải giải quyết như các đồng thừa kế ở nước ngoài, trên đất có 40 hộ gia đình đang sinh sống phải thương lượng để họ dọn nhà đi, chi phí môi giới và các chi phí liên quan khác.... Vì vậy, hai bên thỏa thuận nguyên đơn trừ lại số tiền 10.000.000.000 đồng để thực hiện các nội dung nói trên, đây là thỏa thuận ngoài, chỉ ghi nhớ với nhau mà không lập văn bản.

Để thực hiện thỏa thuận, ông Huỳnh Công L và ông Huỳnh Văn Ph (cha vợ của ông) mở tài khoản chung tại ngân hàng để nguyên đơn chuyển tiền vào, sau đó từ tài khoản này sẽ chuyển vào tài khoản của ông. Ông thừa nhận có nhận hai lần tiền vào ngày 12/8/2010 và 16/9/2010 với số tiền 14.000.000.000 đồng. Trong đó 10.000.000.000 đồng là chi phí để ông thực hiện các công việc nói trên, còn 4.000.000.000 đồng là tiền chuyển nhượng đất ông giữ lại do nguyên đơn chưa giải tỏa vựa ve chai phía trước để bàn giao mặt bằng cho Công ty M.

Số tiền 10.000.000.000 đồng ông đã sử dụng hết để hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn với Công ty M, công ty này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, việc chuyển nhượng đã hoàn thành. Đối với số tiền còn lại là 4.000.000.000 đồng, ông đã trả lại cho nguyên đơn hai lần tổng cộng là 3.000.000.000 đồng, lần thứ nhất vào ngày 20/11/2010 trả 1.000.000.000 đồng, lần thứ hai ngày 11/5/2011 trả tiếp 2.000.000.000 đồng. Tại biên bản thỏa thuận ngày 25/4/2011, nguyên đơn tự nguyện giảm trừ cho ông số tiền 1.400.000.000 đồng do có diện tích bị lấn chiếm phía sau không giao được.

Ông không nhờ ông Huỳnh Văn Ph nhận số tiền 2.000.000.000 đồng từ nguyên đơn để giao lại cho ông như nguyên đơn trình bày, ông Huỳnh Văn Ph cũng có lời khai là không nhận số tiền mặt 2.000.000.000 đồng từ nguyên đơn để giao lại cho ông.

Ông không vay số tiền 10.000.000.000 của nguyên đơn, giữa ông và nguyên đơn chỉ có quan hệ chuyển nhượng nhà đất, nên ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn. Nếu vay tiền thì vì sao không lập hợp đồng vay, từ năm 2010 không yêu cầu trả mà nay mới khởi kiện. Tòa án nhân dân Quận B đã không xem xét hết các chứng cứ chứng minh, ông đi công tác nên cũng không đến Tòa án để trình bày hết các tình tiết trong vụ án nên bản án sơ thẩm không khách quan, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông. Vì vậy, ông kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

\* Ông Nguyễn Xuân H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Công L và bà Phạm Thị Mỹ Th trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn không có hợp đồng vay tài sản, nhưng căn cứ vào “bảng theo dõi thực hiện tài chính đất T” do ông Bùi Chí H1 lập, thì tổng số tiền ông H1 xác nhận đã nhận của nguyên đơn tính đến ngày 14/9/2010 là 11.500.000.000 đồng. Ngày 15/9/2010, nguyên đơn chuyển vào tài khoản chung của ông Huỳnh Công L và ông Huỳnh Văn Ph (cha vợ của ông H1) số tiền 4.500.000.000 đồng và ngày 16/9/2010 từ tài khoản chung này đã chuyển hết số tiền nhận được vào tài khoản của ông Bùi Chí H1. Ông Huỳnh Văn Ph có lời khai số tiền ông nhận không phải của ông mà là tiền do nguyên đơn chuyển, ông Ph đứng tên tài khoản chung là do bị đơn nhờ. Như vậy, tổng số tiền mà bị đơn đã nhận của nguyên đơn là 16.000.000.000 đồng. Bị đơn đã trả cho nguyên đơn hai lần với số tiền 3.000.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 13.000.000.000 đồng, nguyên đơn đồng ý trừ cho bị đơn 1.600.000.000 đồng chi phí chênh lệch giá giữa hợp đồng tay sang hợp đồng công chứng, xem như đây là chi phí môi giới của nguyên đơn; Hai bên thỏa thuận tại biên bản ngày 25/4/2011 là trừ cho bị đơn số tiền 1.400.000.000 đồng do chưa giải phóng được mặt bằng phía sau đất. Vì vậy, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 10.000.000.000 đồng. Nay nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm như sau: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Đơn kháng cáo của bị đơn ông Bùi Chí H1 nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ nên chấp nhận. Bị đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng.

[1.1] Thời hạn kháng cáo.

Ngày 07/9/2022, Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố H đưa vụ án ra xét xử và tuyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2022/DS-ST. Bị đơn ông Bùi Chí H1 vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 20/9/2022, Tòa án tổng đạt cho bị đơn bản án dân sự sơ thẩm. Ngày 26/9/2022, bị đơn nộp đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hợp lệ nên chấp nhận.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu, nên căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cấp sơ thẩm không áp dụng các quy định về thời hiệu, là đúng quy định.

[2] Về nội dung.

[2.1] Diện tích đất 2.350,7m<sup>2</sup> thuộc thửa số 49, Tờ bản đồ số 44 (BĐĐC năm 2004) tọa lạc tại địa chỉ 40/48 đường T, phường H, quận T, Thành phố H

trước đây thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông Huỳnh Công L và bà Phạm Thị Mỹ Th.

Ngày 13/7/2010, ông Huỳnh Công L và bà Phạm Thị Mỹ Th ký “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (có tài sản gắn liền với đất)” (giấy tay, không có công chứng, không có chứng thực) để chuyển nhượng nhà đất nói trên cho Công ty TNHH Đầu tư M (sau đây gọi tắt là Công ty M) do ông Bùi Chí H1 là người đại diện theo pháp luật. Theo hợp đồng, các bên thống nhất giá chuyển nhượng là 32.900.000.000 đồng.

Ngày 11/8/2010, hai bên ký “Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở” số công chứng 025801, Quyền số 08 tại Phòng Công chứng H, Thành phố H. Giá mua bán, chuyển nhượng ghi trong hợp đồng này là 34.500.000.000 đồng; bên mua giao trước cho bên bán 1.500.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ thanh toán sau khi hoàn tất việc bàn giao mặt bằng; việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Theo nguyên đơn, mức giá trong hợp đồng công chứng do ông Bùi Chí H1 đề xuất và giải thích rằng số tiền chênh lệch 1.600.000.000 đồng là vấn đề nội bộ của Công ty M.

Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn xác nhận Công ty M đã thanh toán đủ số tiền mua nhà đất là 34.500.000.000 đồng. Việc thanh toán được thực hiện làm 03 đợt như sau: Đợt 01 ngày 13/7/2010 đặt cọc 1.500.000.000 đồng, đợt 2 ngày 11/8/2010 thanh toán 16.500.000.000 đồng và đợt 3 ngày 15/9/2010 thanh toán 16.500.000.000 đồng. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với trình bày của Công ty M và các tài liệu, chứng cứ công ty này cung cấp như: Phiếu chi ngày 13/7/2010 thanh toán cho ông L, bà Th số tiền 1.500.000.000 đồng, ủy nhiệm chi ngày 11/8/2010 và phiếu chi ngày 11/8/2010 thanh toán cho ông L, bà Th số tiền 16.500.000.000 đồng, ủy nhiệm chi ngày 15/9/2010 thanh toán cho ông L, bà Th số tiền 16.500.000.000 đồng. Hiện nay Công ty M đã được Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BD 866718 ngày 30/01/2011. Công ty M xác định không biết được bất kỳ thông tin nào liên quan đến các giao dịch do ông Bùi Chí H1 thực hiện dưới tư cách cá nhân với ông L, bà Th.

Như vậy, có căn cứ xác định ông L và bà Th đã chuyển nhượng nhà đất số 40/48 đường T, phường H, quận T, Thành phố H cho Công ty M theo “Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở” số công chứng 025801, Quyền số 08 lập ngày 11/8/2010 tại Phòng Công chứng H, Thành phố H với giá 34.500.000.000 đồng. Công ty M đã thanh toán đủ số tiền mua nhà đất cho ông L, bà Th. Nguyên đơn và Công ty M xác nhận đã thực hiện xong quyền, nghĩa vụ của các bên trong việc mua bán, chuyển nhượng nhà đất theo quy định của pháp luật và không tranh chấp việc mua bán, chuyển nhượng nhà, đất nói trên.

[2.2] Căn cứ công văn số: 1448/CV-CN3 ngày 17/12/2021 của Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh B Thành phố H trả lời công văn xác minh của Tòa án, thì:

Ông Huỳnh Công L và ông Huỳnh Văn Ph có đăng ký mở tài khoản chung tại Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh B – Phòng giao dịch V số: 101010002516630 (năm 2017 hệ thống Ngân hàng TMCP C thay đổi hệ thống

số tài khoản và đã thông báo số tài khoản mới cho khách hàng, số 104000182534.

Ông Bùi Chí H1 có đăng ký mở tài khoản chung tại Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh B – Phòng giao dịch V số: 101010001523963 (năm 2017 hệ thống Ngân hàng TMCP C thay đổi hệ thống số tài khoản và đã thông báo số tài khoản mới cho khách hàng, số 106000100126).

Ngày 11/8/2010 tài khoản chung của ông Huỳnh Công L và ông Huỳnh Văn Ph nhận được số tiền 9.500.000.000 đồng. Ngày 12/8/2010, ông Huỳnh Công L và ông Huỳnh Văn Ph chuyển hết số tiền 9.500.000.000 đồng qua tài khoản nói trên của ông Bùi Chí H1.

Ngày 15/9/2010 tài khoản chung của ông Huỳnh Công L và ông Huỳnh Văn Ph nhận được số tiền 4.500.000.000 đồng. Ngày 16/9/2010, ông Huỳnh Công L và ông Huỳnh Văn Ph chuyển hết số tiền 4.500.000.000 đồng qua tài khoản nói trên của ông Bùi Chí H1.

Đính kèm công văn nói trên là các tài liệu, chứng cứ như: Giấy đề nghị mở tài khoản, lệnh chuyển có của người phát lệnh Huỳnh Công L và Phạm Thị Mỹ Th, lệnh chi của chủ tài khoản Huỳnh Công L và Huỳnh Văn Ph các ngày 12/8/2010 và 16/9/2010, sao kê chi tiết giao dịch tài khoản số 106000100126 của ông Bùi Chí H1 từ ngày 08/01/2010 đến ngày 08/01/2011 (từ bút lục số 169 đến số 180).

Ông Huỳnh Công L và ông Huỳnh Văn Ph cùng xác nhận số tiền mà tài khoản chung số 104000182534 của hai ông nhận được hai lần vào các ngày 11/8/2010 và 15/9/2010 tổng cộng là: 14.000.000.000 đồng là do ông Huỳnh Công L và vợ là bà Phạm Thị Mỹ Th chuyển qua. Ngay sau khi nhận tiền, ông L và ông Ph đã hai lần chuyển hết số tiền 14.000.000.000 đồng nói trên vào tài khoản của ông Bùi Chí H1. Lời khai này của đương sự phù hợp với tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh B Thành phố H cung cấp như đã viện dẫn nói trên.

Ông Huỳnh Văn Ph khai nhận, việc ông mở tài khoản chung với ông Huỳnh Công L là do ông Bùi Chí H1 (con rể của ông) yêu cầu, số tiền 14.000.000.000 đồng này không phải tài sản của ông, ông không biết lý do của việc nhận và chuyển số tiền này, ông cũng không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Từ các chứng cứ nói trên, có căn cứ xác định, ông Bùi Chí H1 có nhận số tiền tổng cộng 14.000.000.000 đồng từ tài khoản chung của ông Huỳnh Công L và ông Huỳnh Văn Ph chuyển qua. Số tiền này là tiền của ông Huỳnh Công L và bà Phạm Thị Mỹ Th.

Theo lời khai của nguyên đơn, thì khi nhận được tiền bán nhà đất số 40/48 đường T, phường H, quận T, Thành phố H từ Công ty M, ông bà đã cho ông Bùi Chí H1 vay 16.000.000.000 đồng, trong đó số tiền chuyển khoản là 14.000.000.000 đồng và đưa tiền mặt 2.000.000.000 đồng cho ông Huỳnh Văn Ph (cha vợ của ông H1) để ông Ph giao lại cho ông H1. Tuy nhiên, ông L và bà Th không cung cấp được biên bản giao nhận số tiền 2.000.000.000 đồng cho ông

Ph. Còn ông Huỳnh Văn Ph khẳng định không nhận số tiền 2.000.000.000 đồng từ nguyên đơn để giao lại cho ông H1 như lời khai của nguyên đơn.

[2.3] Tuy nhiên, căn cứ “bảng theo dõi thực hiện tài chính đất T (40/48) 2.350m<sup>2</sup>” do ông Bùi Chí H1 lập, thì việc giao nhận tiền được thực hiện như sau:

1) Đặt cọc: 1.500.000.000 đồng;

2) Nhận thanh toán đợt 2: 16.500.000.000 đồng.

3) Bên ông Bùi Chí H1 nhận lại để thực hiện hợp đồng là: 11.500.000.000 đồng. Tổng số tiền ông Huỳnh Công L và bà Phạm Thị Mỹ Th nhận tính đến ngày 14/9/2010 là: 6.500.000.000 đồng.

Ngày 16/9/2010, chuyển tiếp 16.500.000.000 đồng. Anh chị Ba nhận 12.000.000.000 đồng. Còn lại số tiền Hiếu nhận 4.500.000.000 đồng. Tính đến ngày 16/9/2010, anh chị Ba đã nhận 18.500.000.000 đồng.

Phía dưới các tờ giấy ghi nội dung nói trên đều có chữ ký và ghi họ tên ông Bùi Chí H1.

Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số: 04/2022/QĐ-TCGD ngày 07/01/2022, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố H tiến hành giám định chữ ký, chữ viết của ông Bùi Chí H1 tại 03 trang của cuốn sổ ghi: “bảng theo dõi thực hiện tài chính đất T (40/48) 2.350m<sup>2</sup>” so với chữ ký, chữ viết của ông Bùi Chí H1 tại “Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở” số công chứng 025801 ngày 11/8/2010 do Công chứng viên Hoàng Xuân Hoan - Phòng Công chứng H, Thành phố H chứng nhận.

Tại Kết luận giám định số: 946/KLGD-TT ngày 21/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố H đã kết luận: Chữ ký và chữ viết của ông Bùi Chí H1 trên tài liệu cần giám định và tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra.

Việc trưng cầu giám định là cần thiết cho việc giải quyết vụ án, thủ tục trưng cầu giám định được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được cấp sơ thẩm công bố trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 08/7/2022. Bản sao biên bản phiên họp đã được tổng đạt cho bị đơn ông Bùi Chí H1. Vì vậy, kết luận giám định nói trên được xác định là chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Bùi Chí H1 cũng thừa nhận “bảng theo dõi thực hiện tài chính đất T (40/48) 2350m<sup>2</sup>” do ông lập và ký tên để theo dõi việc thực hiện hợp đồng giữa hai bên, “anh chị Ba” trong văn bản này chính là ông Huỳnh Công L và bà Phạm Thị Mỹ Th. Căn cứ chứng cứ này, thì số tiền mà ông H1 nhận của nguyên đơn tổng cộng là 16.000.000.000 đồng (11.500.000.000 đồng + 4.500.000.000 đồng).

[2.4] Theo lời khai của nguyên đơn, sau khi ông Bùi Chí H1 nhận số tiền vay 16.000.000.000 đồng, thì ông H1 có trả được cho nguyên đơn 02 lần với tổng số tiền 3.000.000.000 đồng, thể hiện tại “bảng theo dõi thực hiện tài chính đất T (40/48) 2350m<sup>2</sup>” do ông Bùi Chí H1 lập có nội dung như sau:

*“Ngày 10/11/2010, có giao thêm cho anh chị Ba 1.000.000.000 đồng.*

*Ngày 11/5/2011, thanh toán tiếp cho anh chị Ba:*

*+ 40 cây quy đổi tiền Việt tỷ giá  $37.600.000 \times 40 = 1.504.000.000$  đồng;*

*+ Tiền mặt ủy nhiệm chi: 496.000.000 đồng. Tổng số tiền giao: 2.000.000.000 đồng”.*

Tại “Biên bản thỏa thuận” do ông Bùi Chí H1 và ông Huỳnh Công L lập ngày 25/4/2011 có nội dung: *“Sau khi 2 bên trao đổi, bàn bạc về việc thanh toán phần tiền còn lại của hợp đồng mua bán toàn bộ căn nhà tại địa chỉ: 40/48 đường T, phường H, quận T, TP.H, hai bên cùng thỏa thuận các đợt thanh toán như sau: Đợt 1 thanh toán số tiền 2.000.000.000 đồng chậm nhất là ngày 10/5/2011; Đợt 2 thanh toán phần còn lại sau khi trừ 1.400.000.000 đồng, thanh toán chậm nhất là ngày 10/6/2011”.*

“Biên bản thỏa thuận” ngày 25/4/2011 nói trên mặc dù có nội dung thanh toán tiền mua nhà 40/48 đường T, nhưng thực chất là việc trả tiền giữa cá nhân ông Bùi Chí H1 với nguyên đơn là ông Huỳnh Công L, bà Phạm Thị Mỹ Th. Bởi lẽ, như đã phân tích tại Mục [2.1], thì ông Huỳnh Công L và bà Phạm Thị Mỹ Th bán nhà đất số 40/48 đường T, phường H, quận T, Thành phố H cho Công ty M (thời điểm này ông Bùi Chí H1 là người đại diện theo pháp luật) với giá 34.500.000.000 đồng, không bán nhà cho cá nhân ông Bùi Chí H1. Việc thanh toán tiền mua nhà đã được Công ty M thực hiện xong vào ngày 15/9/2010 theo các chứng cứ như: Phiếu chi ngày 13/7/2010 thanh toán số tiền 1.500.000.000 đồng, ủy nhiệm chi ngày 11/8/2010 và phiếu chi ngày 11/8/2010 thanh toán số tiền 16.500.000.000 đồng, ủy nhiệm chi ngày 15/9/2010 thanh toán số tiền 16.500.000.000 đồng.

“Biên bản thỏa thuận” ngày 25/4/2011 có nội dung *“sau khi trừ 1.400.000.000 đồng”*, tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn xác định số tiền này nguyên đơn tự nguyện trừ cho bị đơn do không giải phóng được mặt bằng để giao. Về số tiền chênh lệch giá 1.600.000.000 đồng, nguyên đơn đồng ý trả lại cho ông Bùi Chí H1, xem như tiền hoa hồng và được cân trừ qua số tiền mà ông H1 còn nợ. Như vậy, sau khi cân trừ hai khoản tiền nói trên (3.000.000.000 đồng) cộng với số tiền 3.000.000.000 đồng mà ông Bùi Chí H1 đã trả, thì ông Bùi Chí H1 còn nợ nguyên đơn số tiền 10.000.000.000 đồng.

[2.5] Ngày 20/4/2021, nguyên đơn đã lập Thông báo yêu cầu ông Bùi Chí H1 thực hiện nghĩa vụ trả số tiền còn thiếu 10.000.000.000 đồng cho nguyên đơn, hạn cuối trả nợ là ngày 05/5/2021; nếu không trả thì nguyên đơn sẽ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết kể cả tiền lãi phát sinh. Ngày 24/4/2021, nguyên đơn đã yêu cầu Văn phòng thừa phát lại huyện Hóc Môn, Thành phố H lập Vi bằng số 4467/2021/VB-TPL, để thông báo cho ông Bùi Chí H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Thông báo ngày 20/4/2021 nói trên của nguyên đơn. Như vậy, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ báo trước theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 285 Bộ luật Dân sự 2005 (nay là khoản 3 Điều 278 của Bộ luật Dân sự năm 2015).

[2.6] Nguyên đơn không yêu cầu bà Huỳnh Thị Kim B (vợ cũ của ông Bùi Chí H1, đã ly hôn theo Quyết định số 1727/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố H) có trách nhiệm cùng ông H1 trả nợ. Bà Huỳnh Thị Kim B có lời khai là bà không biết ông H1 vay 16.000.000.000 đồng của ông L, bà Th; Số tiền ông H1 vay cũng không đem về nhà để sử dụng chung gia đình, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.7] Tại phiên tòa, ông Bùi Chí H1 cho rằng số tiền 10.000.000.000 đồng mà ông nhận của nguyên đơn là để thực hiện thỏa thuận ngầm giữa hai bên, ông đã chi hết số tiền này để thực hiện các công việc như: Lo thủ tục pháp lý chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ nguyên đơn sang Công ty M, thương lượng với 40 hộ dân để họ rời đi trả mặt bằng, phí môi giới và các khoản chi khác nhưng ông không thể trình bày công khai được. Tuy nhiên, ông Bùi Chí H1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh có thỏa thuận như ông trình bày, cũng không có tài liệu, chứng cứ về việc ông đã sử dụng số tiền 10.000.000.000 đồng để thực hiện các công việc nói trên. Nguyên đơn (có ông Nguyễn Xuân H đại diện) không thừa nhận có thỏa thuận giữa hai bên như lời khai của bị đơn, mà xác định số tiền 10.000.000.000 đồng là nguyên đơn cho bị đơn vay. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận trình bày nói trên của bị đơn.

Từ phân tích nói trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Bùi Chí H1 phải trả cho nguyên đơn số tiền 10.000.000.000 đồng tại “bảng theo dõi thực hiện tài chính đất T (40/48)2350m<sup>2</sup>” do ông Bùi Chí H1 lập là đúng quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đúng quy định, không có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, việc thu thập chứng cứ và chứng minh được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Chí H1 về việc yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Bùi Chí H1 phải nộp tính trên số tiền phải trả cho nguyên đơn, án phí là: 112.000.000 đồng + (0,1% x 6.000.000.000 đồng) = 118.000.000 (một trăm mười tám triệu) đồng.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Bùi Chí H1 phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Bùi Chí H1 đã nộp đủ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Chí H1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên chấp nhận.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị, nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã phát sinh hiệu lực.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 285, Điều 471 và khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 và Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Chí H1 (bị đơn) về việc yêu cầu hủy Bản án dân sự sơ thẩm. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2022/DS-ST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố H, xử:

1.1. Đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Huỳnh Công L, bà Phạm Thị Mỹ Th về việc buộc ông Bùi Chí H1 trả lãi do chậm thanh toán số tiền 1.162.000.000 (một tỷ một trăm sáu mươi hai triệu) đồng, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Công L, bà Phạm Thị Mỹ Th.

Buộc ông Bùi Chí H1 trả cho ông Huỳnh Công L, bà Phạm Thị Mỹ Th số tiền 10.000.000.000 (mười tỷ) đồng tại “bảng theo dõi thực hiện tài chính đất T (40/48) 2350m<sup>2</sup>” do ông Bùi Chí H1 xác nhận cho ông Huỳnh Công L. Việc trả tiền được thực hiện một lần, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Bùi Chí H1 phải nộp số tiền 118.000.000 (một trăm mười tám triệu) đồng và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Bùi Chí H1 phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0007591 ngày 29/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố H. Ông Bùi Chí H1 đã nộp đủ.

Các đương sự thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- TAND Quận B;
- Chi cục THADS Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Thị Ánh**